|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |
|  |  | |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động nghệ thuật biểu diễn* là quá trình sáng tạo ra những sản phẩm nghệ thuật dưới các hình thức biểu diễn nghệ thuật, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và thi người đẹp, người mẫu.

2. *Biểu diễn nghệ thuật* là thể hiện tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn để truyền đạt đến công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp trên hệ thống phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, các phương tiện kỹ thuật khác.

3. *Loại hình nghệ thuật biểu diễn* bao gồm sân khấu, âm nhạc, múa, các hình thức diễn xướng dân gian hoặc kết hợp giữa loại hình nghệ thuật biểu diễn với trình diễn thời trang, các hình thức sinh hoạt văn hoá, thể thao của Việt Nam và thế giới.

4. *Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật* là đưa sản phẩm âm thanh, hình ảnh có nội dung biểu diễn nghệ thuật dưới các định dạng khác nhau để khai thác, sử dụng.

5. *Thi người đẹp, người mẫu* là hoạt động nhằm tuyển chọn, phân định thứ bậc và trao giải thưởng cho thí sinh theo quy định của tổ chức, cá nhân đứng ra tổ chức cuộc thi.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động nghệ thuật biểu diễn**

1. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn không có một trong các nội dung sau:

a) Chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Xuyên tạc lịch sử, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; xâm phạm an ninh quốc gia; xúc phạm lãnh tụ, vĩ nhân; phủ nhận thành tựu cách mạng; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xúc phạm tín ngưỡng tôn giáo; phân biệt đối xử về giới; phân biệt chủng tộc;

c) Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại;

d) Sử dụng trang phục, từ ngữ, âm thanh, hình ảnh, động tác, hình thức biểu diễn, phương tiện biểu đạt hành vi tệ nạn xã hội, dâm ô, đồi trụy, tội ác, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc tác động tiêu cực đến đạo đức, sức khỏe cộng đồng và tâm lý xã hội;

đ) Xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

2. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn phải đáp ứng yêu cầu về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu có quyền:

a) Tổ chức các chương trình, cuộc thi, liên hoan phù hợp với khả năng và điều kiện của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ các chương trình, cuộc thi, liên hoan; được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống; phù hợp với lứa tuổi, giới tính theo quy định của pháp luật; trường hợp tổ chức cho trẻ em tham gia phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em;

c) Thực hiện đúng với nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

d) Thu hồi danh hiệu, giải thưởng trao cho tổ chức, cá nhân đạt giải cuộc thi, liên hoan vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 và Điều 17 Nghị định này;

đ) Không cho cá nhân đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn hoặc cá nhân sử dụng danh hiệu, giải thưởng đã bị thu hồi, bị hủy hoặc không được công nhận tham gia biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan;

e) Báo cáo về kết quả hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

**Điều 5. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu có quyền:

a) Tham gia các chương trình, cuộc thi, liên hoan phù hợp với khả năng và điều kiện của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ các chương trình, cuộc thi, liên hoan; được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Không lợi dụng hoạt động nghệ thuật biểu diễn để thực hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

c) Không sử dụng danh hiệu, giải thưởng đã bị thu hồi, bị hủy hoặc không được công nhận.

**Điều 6. Quyền, trách nhiệm của chủ địa điểm biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Chủ địa điểm biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu có quyền:

a) Khai thác, sử dụng địa điểm phù hợp khả năng và điều kiện của địa điểm theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc khai thác, sử dụng địa điểm.

2. Chủ địa điểm biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu chịu trách nhiệm:

a) Không tổ chức khai thác các nội dung hoạt động nghệ thuật biểu diễn của các tổ chức, cá nhân khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

b) Tuân thủ các quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;

c) Dừng hoặc thay đổi thời gian, kế hoạch tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa điểm vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch họa hoặc tình trạng khẩn cấp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này hoặc quy định của pháp luật có liên quan;

d) Báo cáo về hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

**Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật**

1. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình không trái quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2 Thực hiện lưu chiểu theo quy định tại Nghị định này và lưu hành đúng với nội dung đã lưu chiểu.

3. Cung cấp thông tin về nội dung bản ghi âm, ghi hình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

**Chương II**

**BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT**

**Mục 1. HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT**

**Điều 8. Hình thức hoạt động biểu diễn nghệ thuật**

1. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị hoặc phục vụ nội bộ của ngành, cơ quan, tổ chức theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt do người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm nhưng phải tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp trước công chúng mà được truyền tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử do người đăng, phát chịu trách nhiệm nhưng phải tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục quy định tại Điều 9 Nghị định này.

**Điều 9. Điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động biểu diễn nghệ thuật**

1. Điều kiện thực hiện hoạt động biểu diễn nghệ thuật không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 8 Nghị định này:

a) Hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; Thương nhân hoạt động theo quy định của pháp luật về thương mại và đầu tư có đăng ký kinh doanh hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phải liên kết với một trong các đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Phải thực hiện quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chỉ được tổ chức sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn và đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật ở Trung ương;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật được tổ chức trên địa bàn quản lý không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo danh mục tên tác phẩm, tác giả, người biểu diễn; trường hợp tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam sử dụng ngôn ngữ nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch;

b) Bản sao văn bản về việc thành lập, hoạt động đối với tổ chức hoặc văn bản chứng minh nhân thân đối với cá nhân đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật;

c) Bản sao văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc lao động đối với người không có quốc tịch Việt Nam biểu diễn trong chương trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Văn bản xác nhận của chủ địa điểm về việc dự kiến sử dụng địa điểm tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật đồng thời gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

5. Trường hợp thay đổi nội dung, thời gian hoặc địa điểm tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân gửi văn bản nêu rõ lý do tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 10. Dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật**

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý khi phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân phải dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo yêu cầu; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục hoạt động biểu diễn nghệ thuật gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật và phải bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật về dân sự.

**Mục 2.** **TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN**

**LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

**Điều 11. Cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn**

1. Cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại pháp luật có liên quan.

2. Cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn được cơ quan, tổ chức đứng ra tổ chức cho các đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý do người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm và phải tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục quy định tại Điều 12 Nghị định này.

**Điều 12. Điều kiện và trình tự, thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn**

1. Điều kiện tổ chức cuộc thi, liên hoan không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 11 Nghị định này:

a) Đối tượng tổ chức cuộc thi, liên hoan phải chứng minh năng lực tài chính hợp pháp;

b) Cuộc thi, liên hoan chỉ được tổ chức sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đối với cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn và đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật ở Trung ương;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cuộc thi, liên hoan được tổ chức trên địa bàn quản lý không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc cuộc thi, liên hoan đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản về việc thành lập, hoạt động đối với tổ chức hoặc văn bản chứng minh nhân thân đối với cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan;

c) Văn bản xác nhận phối hợp tổ chức của hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn ở địa phương đối với cuộc thi, liên hoan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan;

đ) Bản sao văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xuất cảnh, nhập cảnh đối với người không có quốc tịch Việt Nam tham dự cuộc thi, liên hoan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

e) Văn bản xác nhận của chủ địa điểm về việc dự kiến sử dụng địa điểm tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật trong cuộc thi, liên hoan.

4. Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan có các nội dung sau:

a) Tên gọi, mục đích của cuộc thi, liên hoan;

b) Số lượng và điều kiện của thí sinh, nghệ sĩ, diễn viên tham dự;

c) Thời gian, địa điểm, nội dung, trình tự tổ chức cuộc thi, liên hoan;

d) Danh mục tác phẩm được biểu diễn trong cuộc thi, liên hoan; trường hợp tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam sử dụng ngôn ngữ nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch;

đ) Cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải;

e) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan;

g) Quyền và nghĩa vụ của thí sinh, nghệ sĩ, diễn viên tham dự và đạt giải thưởng;

h) Danh sách và quy chế hoạt động của ban tổ chức, ban giám khảo, kèm theo văn bản xác nhận tham gia của thành viên ban giám khảo;

i) Kinh phí tổ chức cuộc thi, liên hoan kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan đồng thời gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

6. Trường hợp thay đổi nội dung, thời gian hoặc địa điểm tổ chức cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân gửi văn bản nêu rõ lý do tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 13. Dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn**

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý khi phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân phải dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan ngay khi có yêu cầu; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi, liên hoan gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan và phải bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật về dân sự.

**Chương III**

**THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU**

**Mục 1. TỔ CHỨC CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU**

**Điều 14. Cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Cuộc thi người đẹp, người mẫu được cơ quan, tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đứng ra tổ chức cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc do người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm và phải tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cuộc thi người đẹp, người mẫu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục quy định tại Điều 15 Nghị định này.

**Điều 15. Điều kiện và trình tự, thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Điều kiện tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này:

a) Thương nhân hoạt động theo quy định của pháp luật về thương mại và đầu tư có đăng ký kinh doanh hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phải liên kết với đối tượng quy định tại điểm a khoản này để tổ chức;

c) Đối tượng tổ chức cuộc thi phải chứng minh năng lực tài chính hợp pháp;

d) Cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ được tổ chức sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện các biện pháp bảo đảm hoạt động tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật.

4. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận tổ chức hoặc phân cấp quản lý cuộc thi người đẹp, người mẫu theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

5. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc cuộc thi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản về việc thành lập, hoạt động đối với tổ chức hoặc văn bản chứng minh nhân thân đối với cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi;

c) Đề án tổ chức cuộc thi;

d) Bản sao có chứng thực văn bản chứng minh quyền tác giả hoặc quyền sở hữu nhãn hiệu đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế;

đ) Bản sao văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xuất cảnh, nhập cảnh đối với người không có quốc tịch Việt Nam tham dự cuộc thi;

e) Văn bản xác nhận của chủ địa điểm về việc dự kiến sử dụng địa điểm tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật trong cuộc thi.

6. Đề án tổ chức cuộc thi có các nội dung sau:

a) Tên gọi, mục đích của cuộc thi;

b) Số lượng và điều kiện dự thi của thí sinh;

c) Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi;

d) Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng;

đ) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi;

e) Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt danh hiệu, giải thưởng;

g) Danh sách và quy chế hoạt động của ban tổ chức, ban giám khảo, kèm theo cam kết tham gia của thành viên ban giám khảo;

h) Kinh phí tổ chức cuộc thi, kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí.

7. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi đồng thời gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

8. Trường hợp thay đổi nội dung, thời gian hoặc địa điểm tổ chức cuộc thi đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân gửi văn bản nêu rõ lý do tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 16. Dừng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, dừng tổ chức cuộc thi trên địa bàn quản lý khi phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân phải dừng tổ chức cuộc thi ngay khi có yêu cầu; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng tổ chức cuộc thi và phải bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật về dân sự.

**Mục 2. DỰ THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU**

**Điều 17. Điều kiện đối với cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Đối với cá nhân tham dự cuộc thi trong nước:

a) Đáp ứng các tiêu chí do ban tổ chức cuộc thi quy định;

b) Không trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Đối với cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi:

a) Có giấy mời của ban tổ chức cuộc thi;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**Điều 18. Ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Cá nhân đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và chỉ được ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu sau khi có văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này là cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú.

3. Cá nhân đăng ký ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Tờ khai về việc ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản chứng minh nhân thân của cá nhân ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu;

c) Phiếu lý lịch tư pháp số 1;

d) Bản sao giấy mời tham dự cuộc thi.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp văn bản xác nhận cho cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu đồng thời gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp không xác nhận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 19. Thu hồi, hủy kết quả cuộc thi, không công nhận danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi chấp thuận tổ chức cuộc thi quy định tại Điều 15 Nghị định này có quyền ban hành văn bản yêu cầu thu hồi danh hiệu, giải thưởng khi phát hiện cá nhân đạt danh hiệu, giải thưởng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Nghị định này. Trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện việc thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hủy kết quả cuộc thi sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu thu hồi.

2. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú có quyền không công nhận danh hiệu của cá nhân chưa được xác nhận từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

3. Cá nhân có nghĩa vụ chấm dứt sử dụng danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu và phải thông báo đến tổ chức, cá nhân liên quan.

**Chương IV**

**LƯU HÀNH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH**

**CÓ NỘI DUNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT**

**Điều 20. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật**

1. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 21 và thực hiện thủ tục quy định tại Điều 22 Nghị định này.

**Điều 21. Điều kiện lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại**

1. Bản ghi âm, ghi hình phải có đầy đủ tên tác phẩm, tổ chức, cá nhân được bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Bản ghi âm, ghi hình được lưu hành bởi tổ chức, cá nhân sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật;

b) Thương nhân hoạt động theo quy định của pháp luật về thương mại và đầu tư;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên kết với tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản này.

**Điều 22. Lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật**

1. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này chỉ được thực hiện sau khi có văn bản xác nhận lưu chiểu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật ở Trung ương lưu hành;

b) Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 21 Nghị định này đăng ký hoạt động thương mại hoặc có trụ sở tại địa phương lưu hành.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo danh mục tên tác phẩm, tổ chức, cá nhân được bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Bản sao văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp về việc thành lập hoặc hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại;

c) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

d) Văn bản cho phép sử dụng, khai thác tác phẩm của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp văn bản xác nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật đồng thời gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp không xác nhận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan lưu chiểu**

1. Kiểm tra bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được lưu chiểu và quyết định việc đình chỉ lưu hành, thu hồi hoặc tịch thu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật vi phạm quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức kho lưu chiểu để thực hiện lưu giữ bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiểu trong thời hạn 24 tháng và thực hiện thanh lọc hoặc thanh lý sau khi hết thời hạn lưu giữ.

**Điều 24. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên hệ thống phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử**

Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên hệ thống phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 25. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài**

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên lãnh thổ Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên phải thực hiện quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 26. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**Chương V**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn**

1. Ban hành hoặc trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

5. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, tôn vinh các nghệ sĩ, cá nhân, tập thể.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quản lý, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên toàn quốc.

7. Hướng dẫn thực thi quy định tại các Điều 8, 9, 12 và 15 Nghị định này.

**Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn về phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật trên băng, đĩa, phần mềm và trên các vật liệu khác.

2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và phòng chống tội phạm về an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Ngoại giao kiểm tra, thanh tra hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú đối với các cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn .

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước, xử lý vi phạm trên hệ thống phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn và việc sử dụng danh hiệu, giải thưởng cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; danh hiệu cuộc thi người đẹp, người mẫu;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an kiểm tra, thanh tra hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên hệ thống phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

4. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với việc tôn vinh, sử dụng danh hiệu có nội dung nghệ thuật biểu diễn của thương nhân trong hoạt động thương mại;

b) Thực hiện quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hóa trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Việt Nam; tạm xuất, tái nhập hàng hóa trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn ở nước ngoài;

c) Thực hiện công tác quản lý thị trường trong hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

5. Bộ Nội vụ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động khen thưởng, tôn vinh danh hiệu, giải thưởng về nghệ thuật biểu diễn của các hội, tổ chức phi chính phủ.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với người lao động trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn và cá nhân là người không có quốc tịch Việt Nam tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Việt Nam theo hình thức hợp đồng lao động.

7. Bộ Y tế và Bộ Xây dựng có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về việc bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng và điều kiện cơ sở hạ tầng bảo đảm an toàn sức khỏe, tính mạng con người trong chương trình tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về việc bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong chương trình tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

9. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn .

**Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Thực hiện, chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa và các cơ quan trực thuộc tại địa phương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Triển khai các biện pháp thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong phạm vi địa phương.

3. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghệ thuật biểu diễn tại địa phương.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương.

5. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo tổ chức các cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương.

6. Phân cấp quản lý, kiểm tra hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quản lý, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương.

8. Báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương khi được yêu cầu.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Giấy phép biểu diễn, tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật; giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật; giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế được cấp theo quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP có hiệu lực theo giấy phép được cấp.

2. Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương; trường hợp nhập khẩu nhằm mục đích thương mại thực hiện thủ tục lưu chiểu theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các cuộc thi người đẹp, người mẫu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp văn bản chấp thuận địa điểm tổ chức thực hiện theo giấy phép và văn bản chấp thuận đã được cấp.

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Điều 6 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các văn bản trái quy định của Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (3b) XH | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC**

*(kèm theo Nghị định số …/2020/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn )*

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật

Mẫu số 02: Văn bản chấp thuận tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

Mẫu số 04: Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

Mẫu số 05: Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 06: Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 07: Tờ khai về việc ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 08: Văn bản xác nhận cho cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 09: Tờ khai đăng ký lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

Mẫu số 10: Văn bản xác nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v đề nghị tổ chức chương trình  biểu diễn nghệ thuật | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn , … (1) … đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (3) …

4. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức duyệt chương trình: …

5. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

- Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu của cá nhân, tổ chức (nếu có).

Tài liệu kèm theo: … (4) …

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - …;  - Lưu: … | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  **Cá nhân** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(3) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … … (2) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v chấp thuận tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (3) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

Trả lời văn bản số …, ngày … tháng … năm … của … (3) … đề nghị tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật**,** … (2) … chấp thuận … (3) … tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (4) …

4. Nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật: … (5) …

5. Thời gian, địa điểm duyệt chương trình: … (6) …

… (3) … có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật;

- Báo cáo … (2) … việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc chương trình biểu diễn nghệ thuật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(để tổng hợp)*;  - …  - Lưu: VT, … | **Thủ trưởng/đại diện cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(3) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(4) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(5) Nội dung biểu diễn nghệ thuật được chấp thuận.

(6) Căn cứ quy định trường hợp tổ chức duyệt chương trình tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn .

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn , … (1) … đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (3) …

4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: … (4) …

5. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

Tài liệu kèm theo: … (5) …

… (1) … cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - …;  - Lưu: … | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  **Cá nhân** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(4) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

(5) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … … (2) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (3) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

Trả lời văn bản số …, ngày…tháng … năm … của … (3) … đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn**,** … (2) … chấp thuận … (3) … tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (4) …

4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: … (5) …

… (3) … có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn;

- Báo cáo … (2) … về kết quả cuộc thi, liên hoan và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(để tổng hợp)*;  - …;  - Lưu: VT, … | **Thủ trưởng/đại diện cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(4) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(5) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

**Mẫu số 05**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v đề nghị tổ chức cuộc thi  người đẹp, người mẫu | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn , … (1) … đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (3) …

4. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

Tài liệu kèm theo: … (4) …

… (1) … cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - …;  - Lưu: … | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  **Cá nhân** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v chấp thuận tổ chức  cuộc thi người đẹp, người mẫu | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

Trả lời văn bản số … ngày … tháng … năm … của … (2) … đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu**,** … (1) … chấp thuận … (2) … tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có): …

2. Thời gian tổ chức: …

3. Địa điểm tổ chức: … (3) …

… (2) … có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;

- Báo cáo … (1) … về kết quả cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(để tổng hợp)*;  - ….;  - Lưu: VT, … | **Thủ trưởng/đại diện cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(2) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Khu vực công cộng/cơ sở tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật.

**Mẫu số 07**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…, ngày … tháng … năm …* |

**TỜ KHAI**

**Về việc ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu**

Kính gửi: … (1) …

Họ tên: …

Giấy tờ chứng minh nhân thân (2) số … do … cấp ngày … tháng … năm …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn , tôi đăng ký ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): …

2. Thời gian dự thi: …

3. Địa điểm dự thi: … (3) …

Tài liệu kèm theo: … (4) …

… (2) … xin cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(2) Giấy tờ chứng minh về nhân thân: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

(3) Tỉnh/thành phố của quốc gia nơi tổ chức cuộc thi.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … … (2) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v xác nhận cá nhân từ Việt Nam  ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (3) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

Xét tờ khai ngày … tháng … năm … của … (3) …, … (2) … xác nhận … (3) … ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): …

2. Thời gian dự thi: …

3. Địa điểm dự thi: …

… (3) … có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Chấp hành các quy định của pháp luật nước sở tại;

- Thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để ra nước ngoài tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu;

- Báo cáo về … (2) … kết quả tham dự cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(để tổng hợp)*;  - …  - Lưu: VT, … | **Thủ trưởng/đại diện cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Tên, thông tin cá nhân từ Việt Nam ra nước ngoài để tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu.

**Mẫu số 09**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *…, ngày … tháng … năm …* |

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**

**Lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật**

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn , … (1) … đăng ký lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên bản ghi âm, ghi hình (tên nước ngoài nếu có): …

*(kèm theo danh mục nội dung thông tin của bản ghi âm, ghi hình)*

2. Nhà sản xuất: …

3. Năm sản xuất/nhập khẩu: …

4. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

Tài liệu kèm theo: … (3) …

… (1) … cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - …  - Lưu: … | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  **Cá nhân** *(Ký, ghi rõ họ tên))* |

(1) Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu chiểu.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

(3) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| … (1) … … (2) … | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …  V/v xác nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật | *…, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: … (3) …

Căn cứ Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

Trả lời công văn ngày … tháng … năm … của … (3) …**,** … (2) … xác nhận … (3) … đăng ký lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên bản ghi âm, ghi hình (tên nước ngoài nếu có): …

*(kèm theo danh mục nội dung thông tin của bản ghi âm, ghi hình)*

2. Nhà sản xuất: …

3. Năm sản xuất/nhập khẩu: …

… (3) … có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số …/20…/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn ;

- Thực hiện thủ tục trước khi lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(để tổng hợp)*;  - …  - Lưu: VT, … | **Thủ trưởng/đại diện cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

(3) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký lưu chiểu.